



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

Số:05/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

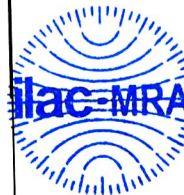
I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	17M ₁ 01/17	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	13/02/2017 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	18B09/17	Bể chứa NMN Vũng Rô		Trần Quang Vinh	13/02/2017 9g30-9g45	
3	18M ₁ 09/17	Cảng cá Vũng Rô			13/02/2017 9g45-10g15	
4	19M ₁ 01/17	Cục Thống Kê Tỉnh		Nguyễn Thị Cẩm Tú	13/02/2017 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
5	19M ₂ 01/17	110 Nguyễn Huệ			13/02/2017 9g00-9g15	
6	19M ₃ 01/17	Khu tái định cư Ninh Tịnh			13/02/2017 9g30-9g45	
7	20B01/17	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Phạm Thị Luyện	13/02/2017 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



VILAS 746

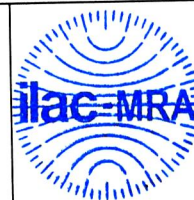
II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				17M ₁ 01/17	18B09/17	18M ₁ 09/17	19M ₁ 01/17
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.92	7.10	7.15	6.90
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.35	1.40	1.24	0.75
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.02	0.02	0.02	0.02
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.85	12.12	11.45	18.86
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	47.98	14.29	15.13	48.49
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN 6185:2008	13.40	14.50	11.20	13.50
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	71	37	35	70
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN 6180:1996	1.00	0.30	0.20	1.00
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.2	3.9	3.9	8.2
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	KPH (LOD=0.0095)	KPH (LOD=0.0095)	KPH (LOD=0.0095)
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.32	0.39	0.32	0.26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,3765)	0.44	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				19M ₂ 01/17	19M ₃ 01/17	20B01/17	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.87	6.94	6.86	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.80	1.00	0.71	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.02	0.02	0.02	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	18.52	18.52	17.85	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	47.98	47.47	46.96	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	13.10	10.60	10.50	
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	72	73	69	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	1.00	1.00	1.00	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.7	8.1	8.0	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0.0095)	KPH (LOD=0.0095)	0.01	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0.26	0.32	0.39	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:201	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	0.53	

Ghi chú: - LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Bộ Phận Hóa nghiệm

Phòng Kỹ Thuật



Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

24/06/2014

Trang 3/3